

Số: 07/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2016

THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC
ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập
và hoạt động công ty chứng khoán**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán như sau:

1. Sửa đổi khoản 6, 7, bổ sung khoản 8, 9 Điều 2 như sau:

“6. *Hợp nhất* là việc hai hoặc một số công ty chứng khoán (sau đây gọi là công ty chứng khoán bị hợp nhất) hợp nhất thành một công ty chứng khoán mới (sau đây gọi là công ty chứng khoán hợp nhất) đồng thời chấm dứt tồn tại của các công ty chứng khoán bị hợp nhất.

7. *Sáp nhập* là việc một hoặc một số công ty chứng khoán (sau đây gọi là công ty chứng khoán bị sáp nhập) sáp nhập vào một công ty chứng khoán khác (sau đây gọi là công ty chứng khoán nhận sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty chứng khoán nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của công ty chứng khoán bị sáp nhập.

8. *Cho vay* là hình thức theo đó công ty chứng khoán giao hoặc cam kết giao cho bên nhận hoặc bên sử dụng một khoản tiền, tài sản, chứng khoán trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và có thể có lãi hoặc không.

9. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, các thông tin tài chính và các báo cáo khác của các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.”

2. Sửa đổi Điều 12 như sau:

“Điều 12. Thay đổi vốn điều lệ

1. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh tăng vốn điều lệ bao gồm:

a) Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán (theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Xác nhận về khoản vốn tăng thêm của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa hoặc xác nhận của tổ chức kiểm toán được chấp thuận về khoản vốn tăng thêm hoặc Báo cáo tài chính tại thời điểm sau khi công ty chứng khoán hoàn thành việc tăng vốn điều lệ đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán tăng vốn điều lệ từ các nguồn vốn thuộc vốn chủ sở hữu;

c) Báo cáo về việc thay đổi cơ cấu sở hữu trước và sau khi tăng vốn điều lệ; hồ sơ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 30 Thông tư này đối với trường hợp đợt tăng vốn có cổ đông, thành viên mới nắm giữ từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ.

2. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh giảm vốn điều lệ bao gồm:

a) Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán (theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Báo cáo kết quả việc mua lại và hủy cổ phiếu, phần vốn góp để giảm vốn điều lệ đã được tổ chức kiểm toán được chấp thuận xác nhận hoặc Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận tại thời điểm sau khi công ty chứng khoán hoàn thành việc mua lại và hủy cổ phiếu, phần vốn góp để giảm vốn điều lệ;

c) Báo cáo về việc thay đổi cơ cấu sở hữu trước và sau khi giảm vốn điều lệ.

3. Trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động cho công ty chứng khoán. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Đình chỉ hoạt động của công ty chứng khoán

1. Công ty chứng khoán bị đình chỉ hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Hồ sơ đề nghị cấp, điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động có thông tin cố ý làm sai sự thật;

b) Sau khi hết thời hạn cảnh báo (kiểm soát hoặc kiểm soát đặc biệt) theo quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính, công ty chứng khoán không cung cấp được bằng chứng chứng minh công ty đã khắc phục được tình trạng cảnh báo (tỷ lệ vốn khả dụng đạt từ một trăm tám mươi phần trăm (180%) trở lên trong ba (03) tháng liên tục, trong đó tỷ lệ vốn khả dụng tại kỳ báo cáo cuối cùng phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận) và có lỗ gộp đạt mức năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ hoặc có vốn chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất thấp hơn vốn pháp định theo các nghiệp vụ kinh doanh được cấp phép;

c) Hoạt động sai mục đích hoặc không đúng với nội dung quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động;

d) Không duy trì một trong các điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 3 Thông tư này;

đ) Các trường hợp bị đình chỉ theo quy định pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Đối với các trường hợp bị đình chỉ theo quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước căn cứ vào hình thức và mức độ vi phạm để ra quyết định đình chỉ một, một số hoặc toàn bộ các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán, trong đó nêu rõ thời hạn và phạm vi đình chỉ.

3. Trong thời gian bị đình chỉ, công ty chứng khoán không được ký mới, gia hạn các hợp đồng có liên quan đến các nghiệp vụ kinh doanh bị đình chỉ hoạt động; phải thực hiện tất toán, chuyển tài khoản theo yêu cầu của khách hàng (nếu có); có phương án khắc phục và báo cáo tình hình thực hiện phương án theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trường hợp bị đình chỉ hoạt động tự doanh, công ty chứng khoán chỉ được bán, không được tăng thêm các khoản đầu tư kinh doanh, trừ trường hợp buộc phải mua vào để sửa lỗi giao dịch hoặc giao dịch lô lẻ hoặc được hưởng các quyền có liên quan đến chứng khoán đang nắm giữ theo quy định của pháp luật hiện hành.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động

1. Công ty chứng khoán bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Các trường hợp theo quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 70 Luật Chứng khoán; trường hợp bị thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Thông tư này hoặc theo quyết định giải thể của Tòa án;

b) Không khắc phục được các vi phạm quy định tại các điểm a, c, d khoản 1 Điều 14 Thông tư này trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày bị đình chỉ hoạt động;

c) Không khắc phục được tình trạng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Thông tư này trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày bị đình chỉ hoạt động;

d) Công ty chứng khoán hết thời hạn hoạt động theo Điều lệ công ty hoặc tự nguyện giải thể;

đ) Công ty chứng khoán phá sản;

e) Công ty chứng khoán bị hợp nhất, bị sáp nhập.

2. Quá trình thực hiện giải thể, phá sản, công ty chứng khoán phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ sở hữu, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty chứng khoán chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của hồ sơ giải thể quy định tại điểm h khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp hồ sơ xử lý tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng và hồ sơ giải thể không chính xác, giả mạo, những người quy định tại điểm a khoản này phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán, số thuế chưa nộp và quyền lợi của người lao động chưa được giải quyết và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn năm (05) năm, kể từ ngày nộp hồ sơ giải thể đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Thủ tục thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động đối với các trường hợp nêu tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày bị buộc thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định chấm dứt mọi hoạt động kinh doanh được cấp phép của công ty chứng khoán để thực hiện thủ tục thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;

b) Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ ngày nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty chứng khoán có trách nhiệm công bố thông tin về quyết định này. Công ty chứng khoán có trách nhiệm chấm dứt hoàn toàn việc thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh được cấp phép, ngừng ký mới tất cả các hợp đồng có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán;

c) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày công ty chứng khoán nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên công ty chứng khoán phải quyết định triệu tập họp Đại hội

đồng cổ đông, Hội đồng thành viên bất thường để thông qua việc giải thể, quyết định phương án giải quyết nợ cho chủ nợ và những người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan. Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên, Chủ sở hữu ra quyết định giải thể công ty chứng khoán, công ty chứng khoán có trách nhiệm công bố thông tin về việc giải thể công ty kèm theo phương án giải quyết nợ cho chủ nợ và những người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan;

d) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty chứng khoán phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phương án xử lý tài khoản tự doanh, các hợp đồng đã ký với khách hàng còn hiệu lực có liên quan đến nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán đang thực hiện và các tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng mở tại công ty chứng khoán (nếu có). Phương án bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Thời điểm và phương thức công bố thông tin, thông báo cho từng khách hàng về việc chấm dứt mọi hoạt động kinh doanh chứng khoán được cấp phép;
- Thời gian dự kiến tất toán tài khoản giao dịch (đóng hoặc chuyển tài khoản) theo yêu cầu của khách hàng, thời gian tất toán tối thiểu là ba mươi (30) ngày;
- Thời điểm ngừng mở tài khoản mới;
- Thời điểm dự kiến ngừng giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán;
- Thời điểm ngừng giao dịch rút/nộp tiền của khách hàng;
- Thời gian dự kiến chốt số dư tài khoản của khách hàng chưa đến tất toán;
- Phương án xử lý đối với tài khoản của khách hàng chưa đến tất toán, tài khoản có tranh chấp;
- Phương án xử lý tài khoản tự doanh chứng khoán;
- Phương án xử lý các hợp đồng đã ký với khách hàng còn hiệu lực có liên quan đến nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán đang thực hiện.

đ) Trong thời hạn không quá bốn mươi lăm (45) ngày, sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có ý kiến về phương án được lập theo quy định tại điểm d khoản này, công ty chứng khoán phải thực hiện phương án theo trình tự như sau:

- Công bố thông tin và thông báo đến từng khách hàng theo phương án;

- Thực hiện tất toán tài khoản, hoàn trả (chuyển khoản) đầy đủ tiền và chứng khoán theo yêu cầu khách hàng;

- Sau khi hết thời hạn tất toán tài khoản, lập danh sách toàn bộ số tài khoản của khách hàng chưa đến tất toán kèm theo số dư tiền và chứng khoán của từng tài khoản này;

- Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn tất toán tài khoản theo yêu cầu của khách hàng, công ty chứng khoán báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tình hình tất toán tài khoản, tài khoản chưa thực hiện tất toán kèm theo số dư tiền và chứng khoán của từng tài khoản này, tình hình thực hiện phương án xử lý tài khoản tự doanh và các hợp đồng đã ký với khách hàng còn hiệu lực có liên quan đến nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán đang thực hiện;

- Công ty chứng khoán có thể thỏa thuận thực hiện chuyển giao tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng còn tồn cho công ty chứng khoán khác.

Đối với trường hợp thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 Luật Chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyền chỉ định công ty chứng khoán thay thế để tiếp nhận bàn giao các tài khoản giao dịch chứng khoán còn tồn của khách hàng công ty chứng khoán bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động. Trong trường hợp này, quan hệ ủy quyền mặc nhiên được xác lập giữa hai công ty.

Trường hợp người đại diện theo pháp luật của công ty chứng khoán bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự, các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại (trường hợp công ty chứng khoán không còn thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên) của công ty chứng khoán có trách nhiệm chỉ định thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Giám đốc hoặc nhân viên kiểm soát nội bộ thực hiện các thủ tục để chuyển giao đầy đủ tài sản cho khách hàng.

- e) Trong vòng năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc chuyển giao toàn bộ các tài khoản của khách hàng, công ty chứng khoán báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kết quả xử lý tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng còn tồn. Quy định này không áp dụng đối với công ty chứng khoán

hoàn tất thủ tục tất toán cho khách hàng trong thời hạn tất toán tài khoản theo yêu cầu của khách hàng;

g) Trong vòng năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo nhận được báo cáo theo quy định tại điểm đ và e khoản này, công ty chứng khoán thực hiện thủ tục giải thể theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Thông báo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

h) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc giải thể, người đại diện theo pháp luật của công ty chứng khoán hoặc người được công ty chứng khoán chỉ định theo quy định tại điểm đ khoản này phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hồ sơ giải thể như sau:

- Báo cáo kết quả về việc thực hiện giải thể, việc xử lý các khoản nợ, phải trả khác kèm theo bản gốc Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán;

- Văn bản về việc thu hồi con dấu của cơ quan công an, văn bản về việc hoàn tất nghĩa vụ thuế của cơ quan thuế, văn bản xác nhận việc xử lý hết các nghĩa vụ nợ, nghĩa vụ phải trả khác;

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận tại thời điểm hoàn tất việc giải thể.

i) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm h khoản này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

4. Thủ tục thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động đối với trường hợp nêu tại điểm d khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên, Chủ sở hữu ra quyết định giải thể công ty chứng khoán, công ty chứng khoán có trách nhiệm công bố thông tin về việc giải thể công ty;

b) Công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới xây dựng phương án xử lý các tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều này;

c) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, Ủy ban Chứng khoán Nhà

nước có ý kiến bằng văn bản về phương án xử lý tài khoản khách hàng;

d) Sau khi nhận được văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty chứng khoán thực hiện phương án xử lý tài khoản khách hàng theo trình tự quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này;

đ) Sau khi hoàn tất việc tất toán và chuyển giao các tài khoản của khách hàng theo hợp đồng thỏa thuận với công ty chứng khoán khác, công ty chứng khoán nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận giải thể. Hồ sơ đề nghị chấp thuận giải thể được lập thành một (01) bản gốc nộp trực tiếp tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện, hồ sơ bao gồm:

- Giấy đề nghị chấp thuận giải thể công ty chứng khoán (theo mẫu quy định tại Phụ lục số VIII ban hành kèm theo Thông tư này);

- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu về việc giải thể công ty chứng khoán;

- Báo cáo tất toán tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng và phương án tất toán, xử lý các hợp đồng, quyền lợi và nghĩa vụ tài chính khác của Công ty.

e) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại điểm đ khoản này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra Quyết định chấp thuận cho công ty chứng khoán thực hiện thủ tục giải thể. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

g) Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty chứng khoán có trách nhiệm công bố thông tin về quyết định chấp thuận giải thể;

h) Trình tự thủ tục giải thể công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

i) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc giải thể, công ty chứng khoán thực hiện các thủ tục theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều này;

k) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ giải thể hợp lệ theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà

nước ra quyết định thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

5. Thủ tục thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động đối với các trường hợp nêu tại điểm đ khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi công ty chứng khoán nhận được quyết định mở thủ tục phá sản hoặc quyết định tuyên bố công ty chứng khoán phá sản theo thủ tục rút gọn quy định tại khoản 1 Điều 105 Luật Phá sản, công ty chứng khoán phải thực hiện công bố thông tin về các quyết định này;

b) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày công bố theo quy định tại điểm a khoản này, công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới phải xây dựng phương án xử lý các tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều này;

c) Công ty chứng khoán thực hiện xử lý tài khoản khách hàng theo trình tự, thủ tục quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này;

d) Công ty chứng khoán thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định tại Luật Phá sản;

đ) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được quyết định tuyên bố công ty chứng khoán phá sản, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và công bố thông tin theo quy định.

6. Thủ tục thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động đối với các trường hợp nêu tại điểm e khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán tham gia hợp nhất, bị sáp nhập đồng thời với việc cấp lại Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán hợp nhất và hoàn tất việc sáp nhập theo quy định tại khoản 6 Điều 67 Thông tư này.”

5. Bổ sung Mục 5 Chương III như sau:

“Mục 5

ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Điều 26a. Đầu tư ra nước ngoài của công ty chứng khoán

1. Công ty chứng khoán lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đầu tư ra nước ngoài phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có dự án lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đầu tư ra nước ngoài đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên, Chủ sở hữu chấp thuận bằng văn bản;

b) Đáp ứng quy định về an toàn tài chính sau khi trừ đi vốn cấp cho chi nhánh, vốn đầu tư ra nước ngoài;

c) Đảm bảo duy trì vốn chủ sở hữu, sau khi trừ đi vốn cấp cho chi nhánh, vốn đầu tư ra nước ngoài, không thấp hơn vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh đang được cấp phép;

d) Phạm vi hoạt động, lĩnh vực đầu tư phải trong phạm vi kinh doanh theo giấy phép thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán thành lập tại Việt Nam.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đầu tư ra nước ngoài của công ty chứng khoán được lập thành một bộ gốc nộp trực tiếp tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện, hồ sơ bao gồm:

a) Giấy đề nghị chấp thuận lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đầu tư ra nước ngoài của công ty chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục X(a) ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên, Chủ sở hữu về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đầu tư ra nước ngoài phù hợp với quy định của điều lệ công ty chứng khoán;

c) Phương án hoạt động, đầu tư ra nước ngoài, bao gồm mức vốn dự kiến đầu tư, nguồn vốn đầu tư, đối tác giao dịch (nếu có), lĩnh vực đầu tư, nội dung và phạm vi hoạt động, kế hoạch hoạt động kinh doanh và các thông tin khác có liên quan trong ba năm đầu.

3. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản chấp thuận việc đầu tư ra nước ngoài của công ty chứng khoán. Trường hợp từ chối chấp thuận, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do không chấp thuận.

4. Sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty chứng khoán thực hiện việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư và quản lý ngoại hối.

5. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cho phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc phê duyệt dự án đầu tư ở nước ngoài, công ty chứng khoán phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Hồ sơ báo cáo bao gồm:

a) Thông tin về địa điểm đặt trụ sở, nhân sự của chi nhánh, văn phòng đại diện, giá trị vốn đầu tư, ngày khai trương hoạt động kèm theo các văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam trong lĩnh vực đầu tư và quản lý ngoại hối;

b) Tài liệu, hồ sơ nộp cho cơ quan quản lý nhà nước ở nước ngoài, kèm theo bản sao hợp lệ giấy phép, văn bản chấp thuận hoặc tài liệu tương đương do cơ quan quản lý có thẩm quyền ở nước ngoài cấp.

6. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày công ty chứng khoán chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, hoặc thu hồi khoản đầu tư ra nước ngoài, công ty chứng khoán phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Thông tin báo cáo bao gồm:

a) Thông tin về tên, địa chỉ, lý do chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện tại nước ngoài;

b) Trách nhiệm của công ty chứng khoán về tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, văn phòng đại diện tại nước ngoài hoặc khoản đầu tư kèm theo bản sao hợp lệ văn bản chấp thuận hoặc tài liệu tương đương do cơ quan quản lý có thẩm quyền ở nước ngoài cấp (nếu có).”

6. Sửa đổi khoản 3 Điều 28 như sau:

“3. Công ty chứng khoán có thể có một (01) hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật theo quy định của Điều lệ công ty. Điều lệ công ty chứng khoán quy định trách nhiệm, số lượng, chức danh quản lý, quyền và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật. Trường hợp công ty chứng khoán có thay đổi người đại diện theo pháp luật, công ty chứng khoán đề nghị Ủy ban Chứng

khoán Nhà nước sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 13 Thông tư này. Các trường hợp cụ thể về người đại diện theo pháp luật của công ty chứng khoán:

a) Trường hợp công ty chứng khoán có một (01) người đại diện theo pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Giám đốc, Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty. Nếu Điều lệ công ty không có quy định khác, người đại diện theo pháp luật của công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên;

b) Trường hợp công ty chứng khoán có hơn một người đại diện theo pháp luật, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải là người đại diện theo pháp luật của công ty. Công ty chứng khoán lựa chọn đăng ký Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Giám đốc, Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Người đại diện theo pháp luật đã đăng ký là người chịu trách nhiệm cung cấp tài liệu và làm việc với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trường hợp công ty chứng khoán có thay đổi người đại diện theo pháp luật đã đăng ký, công ty chứng khoán thực hiện báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.”

7. Sửa đổi khoản 1 Điều 30 như sau:

“1. Giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp, giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông, thành viên góp vốn vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn điều lệ đã góp của công ty chứng khoán phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, trừ trường hợp cổ phiếu của công ty chứng khoán được niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán và trường hợp chuyển nhượng theo quyết định của tòa án.”

8. Bổ sung khoản 4 Điều 31 như sau:

“4. Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên, Chủ sở hữu công ty chứng khoán thông qua tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Trong cùng năm tài chính, công ty chứng khoán không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp

công ty mẹ thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 39 như sau:

“Điều 39. Tăng vốn điều lệ, hoán đổi cổ phần, phần vốn góp

1. Tăng vốn điều lệ

a) Công ty chứng khoán không được tăng vốn điều lệ khi chưa chính thức tiến hành hoạt động kinh doanh chứng khoán;

b) Các hình thức tăng vốn điều lệ của công ty chứng khoán là công ty trách nhiệm hữu hạn:

- Chủ sở hữu đầu tư góp thêm vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên góp vốn góp thêm vốn điều lệ đối với công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên;

- Huy động thêm vốn đầu tư từ các thành viên góp vốn mới. Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tăng vốn điều lệ bằng việc huy động thêm phần vốn góp của người khác, công ty chứng khoán phải thực hiện chuyển đổi hình thức pháp lý của công ty theo quy định tại Điều 64 và 65 Thông tư này;

- Kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn hợp lệ khác để tăng vốn điều lệ: Trường hợp tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận để lại và các nguồn vốn hợp lệ khác thuộc vốn chủ sở hữu, công ty phải bảo đảm có đủ nguồn vốn thực hiện sau khi đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng theo quy định pháp luật hướng dẫn về chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán. Công ty không được sử dụng các khoản dự phòng tài chính và chênh lệch giá từ việc đánh giá lại tài sản để tăng vốn điều lệ;

- Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa công ty và chủ nợ: Các khoản nợ được phép hoán đổi phải là các khoản nợ đã được trình bày trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét và đã được Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên thông qua.

c) Các hình thức tăng vốn điều lệ của công ty chứng khoán là công ty cổ phần:

- Chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu và cho các đối tượng khác theo phương thức chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn hợp lệ khác để tăng vốn điều lệ: Trường hợp tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận để lại và các nguồn vốn hợp lệ khác thuộc vốn chủ sở hữu, công ty phải bảo đảm có đủ nguồn vốn thực hiện sau khi đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng theo quy định pháp luật hướng dẫn về chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán. Công ty không được sử dụng các khoản dự phòng tài chính và chênh lệch giá từ việc đánh giá lại tài sản để tăng vốn điều lệ. Trường hợp công ty sử dụng nguồn thặng dư vốn do chênh lệch giữa giá bán và giá vốn mua vào cổ phiếu quỹ, công ty chỉ được thực hiện sau khi đã bán hết cổ phiếu quỹ. Trường hợp công ty sử dụng nguồn thặng dư vốn do chênh lệch giữa mệnh giá và giá bán trong các đợt phát hành, công ty chỉ được thực hiện sau một năm kể từ thời điểm kết thúc đợt phát hành;

- Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa công ty và chủ nợ: Các khoản nợ được phép hoán đổi phải là các khoản nợ đã được trình bày trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Công ty chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu sau khi đáp ứng đủ điều kiện chuyển đổi theo quy định của pháp luật.

d) Trước khi thực hiện việc tăng vốn điều lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, công ty chứng khoán phải đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, hồ sơ đăng ký gồm:

- Giấy đăng ký tăng vốn điều lệ, trong đó nêu rõ hình thức tăng vốn, giá trị phần vốn tăng thêm;

- Quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ sở hữu về việc tăng vốn và phương án huy động vốn đã được Hội đồng thành viên, Chủ sở hữu công ty chứng khoán thông qua;

- Danh sách thành viên góp vốn mới, thành viên góp từ mười phần trăm (10%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán kèm theo các tài liệu quy định tại điểm d khoản 2 Điều 30 Thông tư này (nếu có);

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất đối với trường hợp kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn hợp lệ khác để tăng vốn điều lệ hoặc trường hợp tăng vốn điều lệ theo hình thức cơ cấu lại nợ theo hình

thức chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa công ty và chủ nợ. Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyển nợ thành vốn góp, công ty phải thực hiện chuyển đổi theo quy định tại Điều 64, 65 Thông tư này.

đ) Trước khi thực hiện tăng vốn theo các hình thức quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, công ty chứng khoán phải đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện như sau:

- Trường hợp chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu và cho các đối tượng khác: Trường hợp chào bán cổ phiếu cho một số cổ đông xác định từ một trăm (100) cổ đông trở lên, công ty chứng khoán thực hiện theo quy định về chào bán chứng khoán ra công chúng. Trường hợp chào bán cổ phiếu cho một số cổ đông xác định dưới một trăm (100) cổ đông, công ty chứng khoán thực hiện theo quy định về chào bán chứng khoán riêng lẻ;

- Trường hợp kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn hợp lệ khác để tăng vốn điều lệ: Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định về phát hành thêm cổ phiếu của công ty đại chúng;

- Trường hợp tăng vốn điều lệ để cơ cấu lại nợ theo hình thức chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa công ty và chủ nợ: Công ty chứng khoán thực hiện theo quy định về chào bán cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi các khoản nợ của công ty đại chúng;

- Trường hợp chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần: Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ khi hoàn thành chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần, công ty chứng khoán phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kết quả chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.

2. Hoán đổi vốn cổ phần, phần vốn góp, chào bán cổ phiếu riêng lẻ để chuyển đổi thành công ty cổ phần:

- a) Trường hợp phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần hoặc phần vốn góp nhằm mục đích hợp nhất, sáp nhập với công ty chứng khoán khác hoặc mua lại công ty quản lý quỹ:

- Trường hợp phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần, phần vốn góp cho một số cổ đông xác định từ một trăm (100) cổ đông trở lên: Điều kiện, hồ sơ,

trình tự thủ tục thực hiện theo quy định về chào bán cổ phiếu ra công chúng để hoán đổi cổ phần theo hợp đồng hợp nhất, sáp nhập;

- Trường hợp phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần, phần vốn góp cho một số cổ đông xác định dưới một trăm (100) cổ đông: Điều kiện, hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện theo quy định về chào bán cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi.

b) Trường hợp chào bán cổ phiếu riêng lẻ để chuyển đổi thành công ty cổ phần: Công ty chứng khoán phải có Quyết định của Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên thông qua việc chuyển đổi thành công ty cổ phần và chào bán riêng lẻ để chuyển đổi thành công ty cổ phần kèm theo phương án chuyển đổi và phương án chào bán đã được Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên thông qua. Trình tự, thủ tục chào bán cổ phiếu riêng lẻ để chuyển đổi thành công ty cổ phần của công ty chứng khoán thực hiện theo quy định chào bán cổ phiếu riêng lẻ của công ty đại chúng.

3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được tài liệu hợp lệ về việc tăng vốn điều lệ, hoán đổi vốn cổ phần, phần vốn góp, chào bán riêng lẻ để chuyển đổi thành công ty cổ phần theo quy định tại điểm d, đ khoản 1, khoản 2 Điều này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trả lời công ty chứng khoán bằng văn bản về việc tăng vốn điều lệ, hoán đổi cổ phần, phần vốn góp, chào bán riêng lẻ để chuyển đổi thành công ty cổ phần.

4. Sau khi hoàn tất việc thực hiện tăng vốn điều lệ, trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc công ty chứng khoán thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.”

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 40 như sau:

“Điều 40. Chỉ tiêu an toàn tài chính

1. Công ty chứng khoán phải đảm bảo các chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán của Bộ Tài chính.

2. Vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán tối thiểu bằng vốn pháp định theo quy định của Chính phủ cho từng nghiệp vụ kinh doanh. Trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn pháp định (theo báo cáo hoạt động tháng gần nhất), trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ khi vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn pháp định, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên công ty chứng khoán có trách nhiệm:

a) Xây dựng và triển khai phương án xử lý (tăng vốn, rút nghiệp vụ) để đảm bảo giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng vốn pháp định;

b) Báo cáo bằng văn bản gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về phương án xử lý quy định tại điểm a khoản này và cam kết thực hiện phương án, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau:

- Giá trị của vốn chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo;
- Nguyên nhân vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn pháp định;
- Các biện pháp đảm bảo nguồn vốn chủ sở hữu không thấp hơn vốn pháp định và đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ khi vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán thấp hơn vốn pháp định tính theo báo cáo hoạt động tháng, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán phải tối thiểu bằng vốn pháp định. Hết thời hạn sáu (06) tháng vốn chủ sở hữu không bằng vốn pháp định, công ty chứng khoán chịu các hạn chế hoạt động sau đây:

a) Không được chia lợi nhuận; không được lập chi nhánh, lập phòng giao dịch, lập văn phòng đại diện, đầu tư ra nước ngoài; không được bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán, đăng ký giao dịch ký quỹ chứng khoán;

b) Trường hợp công ty chứng khoán còn đang hoặc chưa khắc phục được các tình trạng kiểm soát, kiểm soát đặc biệt và lỗ gộp đạt mức dưới năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty, trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày hết thời hạn sáu (06) tháng để tăng vốn hoặc rút nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán theo quy định tại khoản này, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định đình chỉ một hoặc một số hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán, bảo đảm theo nguyên tắc, vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng vốn pháp định tương ứng với các nghiệp vụ còn lại được phép duy trì. Trình tự, thủ tục đình chỉ một hoặc một số hoạt động công ty chứng khoán thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư này. Sau khi hết thời hạn đình chỉ, nguồn vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán vẫn không đáp ứng vốn pháp định, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định rút nghiệp vụ của công ty chứng khoán đã bị đình chỉ trước đó.

4. Báo cáo tài chính, Báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng tại ngày 30 tháng 6 hàng năm phải được soát xét và tại ngày 31 tháng 12 hàng năm phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

5. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có trách nhiệm công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về công ty chứng khoán bị kiểm soát, kiểm soát đặc biệt và các thông tin có liên quan khác trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi ra quyết định đặt công ty chứng khoán vào tình trạng kiểm soát, kiểm soát đặc biệt.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 41 như sau:

“Điều 41. Cổ phiếu quỹ

1. Trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của khách hàng, mua sửa lỗi theo quy định của Trung tâm Lưu ký chứng khoán, mua lại cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông theo quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp, công ty chứng khoán là công ty cổ phần được mua lại không quá mười phần trăm (10%) số cổ phần phổ thông đã phát hành làm cổ phiếu quỹ.

2. Công ty chứng khoán được dùng nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần và các nguồn khác thuộc vốn chủ sở hữu được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ (không bao gồm quỹ dự phòng tài chính) theo quy định của pháp luật để mua cổ phiếu quỹ. Sau khi mua cổ phiếu quỹ, công ty chứng khoán phải đảm bảo vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng vốn pháp định theo quy định của pháp luật.

Các chỉ tiêu trên được dựa trên Báo cáo tài chính hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất (trường hợp công ty chứng khoán là công ty mẹ) đã được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất nhưng không quá sáu tháng tính đến thời điểm dự kiến mua cổ phiếu quỹ.

3. Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục mua lại, bán cổ phiếu quỹ của công ty chứng khoán được thực hiện theo quy định đối với công ty đại chúng.

4. Trường hợp công ty chứng khoán đã hoàn tất việc mua lại cổ phiếu quỹ, thực hiện tiêu hủy cổ phiếu quỹ để giảm vốn điều lệ, công ty chứng khoán phải điều chỉnh giảm vốn điều lệ theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.”

12. Bổ sung khoản 3 Điều 42 như sau:

“3. Công ty chứng khoán chào bán trái phiếu thực hiện theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và phải đảm bảo tuân thủ tỷ lệ quy định tại khoản 1 và 2 Điều này. Trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng, công ty chứng khoán thực hiện theo quy định về chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng. Trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trình tự, hồ sơ thủ tục thực hiện như sau:

a) Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ của công ty chứng khoán được lập thành một bộ gốc nộp trực tiếp tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện, hồ sơ bao gồm:

- Giấy đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trong đó nêu rõ giá trị chào bán và đối tượng chào bán;

- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chào bán, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi và phương án chuyển đổi trái phiếu. Phương án chuyển đổi trái phiếu phải nêu rõ điều kiện, thời hạn tiến hành chuyển đổi, tỷ lệ chuyển đổi và phương pháp tính giá chuyển đổi;

- Cam kết thực hiện nghĩa vụ của công ty chứng khoán đối với người đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác;

- Kế hoạch phát hành cổ phiếu trong thời gian đáo hạn của trái phiếu chuyển đổi và phương án đền bù cho người sở hữu trái phiếu chuyển đổi.

b) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo cho công ty chứng khoán và công bố trên trang thông tin điện tử xác nhận việc đã tiếp nhận đầy đủ hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ của công ty chứng khoán;

c) Công ty chứng khoán thực hiện việc chào bán theo phương án đã đăng ký và phải hoàn thành đợt chào bán trong thời gian chín mươi (90) ngày, kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ;

d) Công ty chứng khoán phải mở một tài khoản phong tỏa tại ngân hàng thương mại không phải là người có liên quan của công ty chứng khoán hoặc có

liên quan đến đợt chào bán để tiếp nhận vốn huy động theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Luật Chứng khoán;

đ) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, công ty chứng khoán phải gửi báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, kèm theo xác nhận của ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán;

e) Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả chào bán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gửi thông báo xác nhận kết quả chào bán cho công ty chứng khoán;

g) Sau khi nhận được thông báo xác nhận kết quả chào bán từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tổ chức phát hành được yêu cầu chấm dứt phong tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán.”

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 43 như sau:

“Điều 43. Hạn chế cho vay

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này, công ty chứng khoán không được cho vay tiền, chứng khoán dưới mọi hình thức.

2. Công ty chứng khoán không được dùng tiền, tài sản của công ty hoặc của khách hàng để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho bên thứ ba.

3. Công ty chứng khoán không được cho vay dưới bất kỳ hình thức nào đối với Chủ sở hữu, cổ đông lớn, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Giám đốc, kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị công ty chứng khoán bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng nêu trên.

4. Công ty chứng khoán đã được thực hiện giao dịch ký quỹ theo quy định pháp luật được cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán dưới hình thức giao dịch ký quỹ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

5. Công ty chứng khoán được cho vay chứng khoán để sửa lỗi giao dịch, hoặc cho vay để thực hiện các giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật có liên quan.”

14. Sửa đổi khoản 3, điểm d, e khoản 4 và bổ sung điểm g khoản 4 Điều 44 như sau:

“3. Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.”

“4. Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;

e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;

g) Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.”

15. Sửa đổi khoản 4, bổ sung khoản 9, 10, 11 Điều 45 như sau:

“4. Công ty chứng khoán phải bố trí người hành nghề chứng khoán có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với các nghiệp vụ hoạt động. Nhân viên hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán không được kiêm nhiệm thực hiện các công việc tại các bộ phận thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, quản lý tài khoản giao dịch ủy thác.”

“9. Trong hoạt động nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán, công ty chứng khoán phải ký hợp đồng trực tiếp với khách hàng thông qua đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền, giao quyền thực hiện. Công ty chứng khoán phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và thực hiện hợp đồng theo quy định tại hợp đồng, phù hợp với quy định của pháp luật chứng khoán,

quy định của pháp luật về hợp đồng và các quy định của pháp luật đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán đã giao kết.

10. Tài sản của khách hàng do công ty chứng khoán tiếp nhận và quản lý bao gồm tiền gửi giao dịch chứng khoán được công ty quản lý theo quy định tại Điều 50 Thông tư này và chứng khoán lưu ký, lưu giữ tại công ty chứng khoán theo quy định tại Điều 51 Thông tư này, kể cả trên tài khoản chuyên dụng đứng tên công ty chứng khoán, là tài sản của khách hàng, không phải của công ty chứng khoán. Trường hợp công ty chứng khoán giải thể hoặc bị phá sản, các tài sản này phải được hoàn trả cho khách hàng sau khi trừ đi nghĩa vụ nợ phải trả của khách hàng đối với công ty chứng khoán.

11. Công ty chứng khoán, nhân viên tại công ty chứng khoán không được thực hiện các công việc sau:

- a) Môi giới giao dịch vay, mượn tài sản giữa các khách hàng hoặc giữa khách hàng và bên thứ ba trừ trường hợp vay chứng khoán để sửa lỗi giao dịch hoặc vay để thực hiện các giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục;
- b) Đầu tư thay cho khách hàng trừ trường hợp ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân quy định tại Điều 61 Thông tư này.”

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 68 như sau:

“Điều 68. Chế độ báo cáo

1. Việc báo cáo của công ty chứng khoán phải đầy đủ, kịp thời và phản ánh chính xác tình hình thực tế của công ty chứng khoán.

2. Công ty chứng khoán phải gửi báo cáo định kỳ bằng tệp dữ liệu điện tử cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo các thời hạn và quy định như sau:

a) Trước ngày làm việc thứ năm (05) của tháng tiếp theo, công ty chứng khoán phải gửi Báo cáo tình hình hoạt động tháng (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII Thông tư này);

b) Trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày kết thúc quý, công ty chứng khoán phải gửi Báo cáo tài chính quý. Trường hợp công ty chứng khoán phải lập báo cáo tài chính quý hợp nhất, công ty chứng khoán phải gửi báo cáo tài chính quý hợp nhất trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc quý;

c) Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu

năm tài chính, công ty chứng khoán phải gửi báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Trường hợp công ty chứng khoán phải lập báo cáo tài chính bán niên hợp nhất, công ty chứng khoán phải gửi báo cáo tài chính bán niên hợp nhất đã được soát xét trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính;

d) Báo cáo năm:

- Trước ngày 20 tháng 01 của năm tiếp theo, công ty chứng khoán phải gửi báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động của công ty (theo mẫu quy định tại Phụ lục XXIII Thông tư này);

- Trước ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo, công ty chứng khoán phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Báo cáo tài chính năm và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán được chấp thuận. Trường hợp công ty chứng khoán phải lập báo cáo tài chính năm hợp nhất, công ty chứng khoán phải gửi báo cáo tài chính năm hợp nhất đã được kiểm toán trong thời hạn một trăm (100) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

đ) Báo cáo tài chính của công ty chứng khoán gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quy định tại điểm b, c, d khoản này phải đầy đủ các thành phần và nội dung theo quy định của pháp luật kế toán quy định đối với công ty chứng khoán;

e) Trường hợp báo cáo tài chính có ý kiến kiểm toán ngoại trừ chưa nêu chi tiết khoản mục ngoại trừ và lý do ngoại trừ, công ty chứng khoán phải có văn bản giải trình và có xác nhận của kiểm toán gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chậm nhất ba mươi (30) ngày kể từ ngày gửi báo cáo theo quy định tại điểm c và d khoản này.

3. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ khi xảy ra các sự kiện dưới đây, công ty chứng khoán phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản:

a) Vay, đầu tư vượt quá hạn mức quy định tại Điều 42 và Điều 44 Thông tư này;

b) Ngày trụ sở chính công ty chứng khoán, chi nhánh, phòng giao dịch khai trương hoạt động.

4. Báo cáo theo yêu cầu:

Trường hợp cần thiết, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyền yêu cầu công ty chứng khoán báo cáo bằng văn bản, trong đó nêu rõ nội dung và thời hạn báo cáo.”

17. Bổ sung Phụ lục X(a), sửa đổi Phụ lục XI, XXII, XXIII, ban hành kèm theo Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán.

18. Bãi bỏ Điều 38 Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2016. Những quy định trước đây trái với quy định này đều bị bãi bỏ.

2. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, công ty chứng khoán có vốn chủ sở hữu thấp hơn mức vốn pháp định theo các nghiệp vụ kinh doanh được cấp phép, công ty chứng khoán phải thực hiện các biện pháp cần thiết, đúng quy định để đảm bảo vốn chủ sở hữu không thấp hơn vốn pháp định theo quy định tại Thông tư này; công ty chứng khoán phải thực hiện sửa đổi Điều lệ mẫu theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Thông tư này do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định. *Đac*

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TƯ và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Ban chỉ đạo TW về phòng chống tham nhũng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Công báo;
- Website CP;
- Cục Kiểm tra Văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website BTC;
- Lưu: VT, UBCK.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Xuân Hà